

BẢNG TỔNG KẾT KẾT QUẢ HỌC TẬP NĂM 2011 - 2012 - LẦN CUỐI
(Lấy kết quả điểm thi lần cuối)

Lớp học: Quản trị kinh doanh 1 - K12

Ngành: Quản trị kinh doanh

Hệ ĐT: Cao đẳng chính quy

STT	MÃ SỐ	HỌ VÀ TÊN	Tin học ứng dụng trong kinh doanh	Anh văn cơ bản 3	Nguyên lý kế toán	Tư tưởng HCM	Thống kê kinh doanh	Toán kinh tế	Hệ thống thông tin quản lý	Thuế	Thương mại điện tử	Giáo dục thể chất 3	Pháp luật đại cương	Quản trị dự án	Thi trường chứng khoán	Đường lối cách mạng đảng công sản VN	Quản trị chiến lược	Quản trị sản xuất	Quản lý chất lượng	Quản trị nhân sự	Đàm phán và giao tiếp trong kinh doanh								ĐIỂM TBC	ĐIỂM RÈN LUYỆN	SỐ MÔN <5	ĐVHT KĐ	XL TBCHT
			3	4	4	3	3	4	3	3	2	1	3	3	2	4	4	3	3	4	3								59				
1	1010090001	Huỳnh Thùy An	7	8	5	6	10	8	8	5	7	7	7	10	7	6	9	7	6	8	6								7.09				Khá
2	1010090002	Tô Hoài Anh	5	5	5	7	7	6	5	5	7	8	5	6	5	3	5	7	6	6	5								5.47		1	4	TB
3	1010090006	Huỳnh Thị Kim Anh	6	6	5	7	7	6	7	6	8	5	6	8	7	5	7	5	6	6	6								6.06				TB Khá
4	1010090007	Nguyễn Gia Bảo	6	5	7	7	8	6	5	7	6	5	8	5	7	6	7	7	6	6	6								6.28				TB Khá
5	1010090008	Vũ Văn Bốn	8	6	9	9	8	7	8	6	7	6	8	8	7	8	8	6	9	8	5								7.39				Khá
6	1010090010	Nguyễn Thu Cúc	7	8	7	6	10	8	6	6	7	5	8	9	8	6	8	8	6	8	6								7.11				Khá
7	1010090011	Nguyễn Hạ Băng	6	6	8	7	8	5	6	5	6	5	8	7	5	7	7	10	7	6	5								6.51				TB Khá
8	1010090012	Lê Thị Thanh Đào	8	7	10	7	10	8	8	8	8	5	7	10	8	8	7	8	6	10	6								7.87				Khá
9	1010090013	Cao Thành Đạt	8	7	10	6	10	8	9	6	7	5	8	8	7	6	6	7	6	8	6								7.29				Khá
10	1010090014	Nguyễn Tiến Đạt	7	7	6	7	7	6	6	6	6	6	8	9	6	6	7	5	8	7	5								6.31				TB Khá
11	1010090015	Nguyễn Hữu Đạt	7	6	6	7	8	5	7	5	7	6	7	8	8	6	8	6	8	6	6								6.39				TB Khá
12	1010090016	Trần Hồng Diễm	6	6	7	7	8	6	6	6	6	7	7	8	7	6	8	6	8	9	5								6.66				TB Khá
13	1010090017	Lê Thị Thủy Diên	6	5	5	8	8	6	8	5	6	8	7	9	8	8	6	8	8	8	5								6.73				TB Khá
14	1010090018	Nguyễn Thị Diệu	6	6	5	6	8	5	5	5	7	9	8	8	7	7	6	5	8	8	6								6.30				TB Khá
15	1010090019	Giảng Thị Thanh Điều	6	5	8	6	9	6	8	7	5	9	7	6	6	7	6	6	8	6	5								6.40				TB Khá
16	1010090020	Nguyễn Văn Đức	6	5	10	8	9	7	8	6	7	8	6	7	8	8	7	6	7	9	5								6.99				TB Khá

STT	MÃ SỐ	HỌ VÀ TÊN		Tin học ứng dụng trong kinh doanh	Anh văn cơ bản 3	Nguyên lý kế toán	Tư tưởng HCM	Thống kê kinh doanh	Toán kinh tế	Hệ thống thông tin quản lý	Thuế	Thương mại điện tử	Giáo dục thể chất 3	Pháp luật đại cương	Quản trị dự án	Thị trường chứng khoán	Đường lối cách mạng đảng công sản VN	Quản trị chiến lược	Quản trị sản xuất	Quản lý chất lượng	Quản trị nhân sự	Đàm phán và giao tiếp trong kinh doanh								ĐIỂM TBC	ĐIỂM RÈN LUYỆN	SỐ MÔN <5	ĐVHT KD	XL TBCHT
				3	4	4	3	3	4	3	3	2	1	3	3	2	4	4	3	3	3	4	3											
17	1010090021	Đặng Thị Thùy	Dương	5	6	6	7	9	5	7	6	6	8	7	6	7	7	6	7	6	8	6								6.38				TB Khá
18	1010090023	Nguyễn Hoàng	Duy	6	7	8	8	8	6	8	6	5	9	7	5	6	6	5	5	5	9	5								6.22				TB Khá
19	1010090024	Đặng Thị Hồng	Gấm	8	8	10	6	10	7	7	6	6	5	7	9	7	8	8	6	8	9	6								7.41				Khá
20	1010090025	Lê Hoàng Bảo	Giang	6	6	7	6	7	6	6	6	6	5	8	6	5	6	6	5	6	6	6								5.89				TB
21	1010090026	Trần Thị Ngọc	Hà	6	6	5	5	8	6	8	5	6	5	7	9	5	6	7	5	6	8	6								6.18				TB Khá
22	1010090028	Trịnh Đình	Hải	6	5	7	6	9	6	7	6	6	8	5	6	6	6	6	8	6	8	5								6.16				TB Khá
23	1010090029	Nguyễn Khắc	Hải	6	6	6	7	7	7	8	5	6	6	7	5	5	5	5	5	6	7	5								5.91				TB
24	1010090031	Trần Ngọc	Hân	6	4	5	6	7	6	8	5	6	8	7	9	7	5	6	7	6	8	5								6.07		1	4	TB Khá
25	1010090032	Phạm Thị	Hằng	6	4	6	6	7	6	5	7	6	9	5	5	6	5	5	4	7	6	7								5.61		2	7	TB
26	1010090034	Lê Thị Bích	Hạnh	7	5	9	6	8	7	7	6	6	5	8	7	8	7	6	7	6	9	5								6.71				TB Khá
27	1010090035	Lê Song	Hào	6	5	7	6	8	6	5	6	7	5	7	8	6	6	7	5	8	8	5								6.31				TB Khá
28	1010090036	Nguyễn Thu	Hiền	6	6	8	6	7	5	6	6	6	7	7	8	5	6	5	5	6	8	6								6.09				TB Khá
29	1010090038	Đặng Thị Thanh	Hiền	5	7	7	7	7	6	6	6	6	7	7	9	6	7	5	5	6	6	5								6.24				TB Khá
30	1010090039	Võ Minh	Hiển	5	6	5	7	7	6	7	5	6	5	7	5	6	7	6	9	7	6	6								6.09				TB Khá
31	1010090041	Trịnh Minh	Hiếu	6	5	6	6	8	7	7	6	6	5	7	9	7	7	6	5	7	8	6								6.37				TB Khá
32	1010090042	Trình Thị Thanh	Hoa	7	6	6	6	9	8	8	6	6	5	7	7	8	7	7	5	6	7	5								6.65				TB Khá
33	1010090044	Đỗ Trọng	Hòa	5	6	5	6	7	3	8	6	7	5	6	7	6	6	7	9	6	6	5								5.80		1	4	TB
34	1010090045	Phan Trọng	Hoài	6	6	5	8	7	7	6	5	7	6	8	6	6	5	7	8	5	6	5								6.09				TB Khá
35	1010090046	Bùi Lê Thanh	Hoàng	5	6	6	7	6	7	8	5	6	5	7	6	6	6	5	8	6	9	5								6.34				TB Khá
36	1010090047	Trần Thị Thu	Hồng	7	7	9	7	9	6	8	6	6	9	8	9	8	8	7	9	8	8	5								7.40				Khá
37	1010090048	Nguyễn Thị Ánh	Hồng	6	5	6	6	7	5	5	5	7	6	6	8	7	6	6	7	6	8	6								6.03				TB Khá
38	1010090050	Phan Diễm	Hương	7	6	6	6	9	7	8	7	8	5	7	6	6	7	7	7	6	6	6								6.60				TB Khá

STT	MÃ SỐ	HỌ VÀ TÊN	Tin học ứng dụng trong kinh doanh	Anh văn cơ bản 3	Nguyên lý kế toán	Tư tưởng HCM	Thống kê kinh doanh	Toán kinh tế	Hệ thống thông tin quản lý	Thuế	Thương mại điện tử	Giáo dục thể chất 3	Pháp luật đại cương	Quản trị dự án	Thị trường chứng khoán	Đường lối cách mạng đảng công sản VN	Quản trị chiến lược	Quản trị sản xuất	Quản lý chất lượng	Quản trị nhân sự	Đàm phán và giao tiếp trong kinh doanh									ĐIỂM TBC	ĐIỂM RÈN LUYỆN	SỐ MÔN <5	ĐVHT KĐ	XL TBCHT
			3	4	4	3	3	4	3	3	2	1	3	3	2	4	4	3	3	4	3													
39	1010090051	Vũ Thị Hường	6	6	5	6	9	5	8	6	7	10	7	6	5	7	6	8	6	6	5									6.22		1	2	TB Khá
40	1010090052	Nguyễn Thị Hường	6	5	5	6	10	6	7	5	7	9	8	8	7	8	9	9	8	8	5									6.84				TB Khá
41	1010090053	Nguyễn Thị Kim	7	5	7	7	9	6	7	7	6	6	7	7	6	7	6	8	8	8	6									6.69				TB Khá
42	1010090054	Dương Ngọc Huy	7	6	9	7	9	6	7	6	7	6	6	8	8	6	7	7	8	7	5									6.77				TB Khá
43	1010090055	Nguyễn Bích Huyền	6	7	10	8	10	8	8	6	7	6	7	7	6	6	5	7	8	8	6									7.15				Khá
44	1010090056	Nguyễn Thị Ngọc Huyền	8	6	7	7	9	8	8	7	7	9	6	10	8	8	6	9	9	9	5									7.46				Khá
45	1010090057	Nguyễn Văn Khải	5	5	5	6	6	5	8	5	7	5	6	6	6	5	6	7	6	8	5									5.90				TB
46	1010090058	Nguyễn Minh Khang	6	6	6	7	7	5	6	5	7	8	5	6	6	6	6	9	8	6	5									5.97				TB
47	1010090059	Hoàng Diệu Khanh	6	5	5	6	6	6	5	5	5	5	7	6	6	5	7	9	6	6	6									5.91				TB
48	1010090060	Mai Quốc Khánh	7	6	5	7	5	7	5	6	6	5	5	5	7	4	5	9	6	8	5									5.88		1	4	TB
49	1010090061	Phạm Nguyễn Viết	6	5	6	6	6	3	6	7	6	5	5	8	6	5	5	7	6	5	5									5.53		1	4	TB
50	1010090049	Vòng Thành Hưng	6	5	5	6	5	4	5	7	7	7	5	6	6	6	5	7	5	7	6									5.49		1	4	TB

Tổng danh sách này có:50 sinh viên

Xếp loại	SL	Tỷ lệ	Xếp loại	SL	Tỷ lệ
Xuất sắc	0	0.00	TB Khá	30	60
Giỏi	0	0.00	Trung bình	11	22
Khá	9	18.00	Yếu kém		

TP. Hồ Chí Minh, ngày/..../.....

Trưởng Phòng Đào Tạo

Người lập bảng